

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường trước Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017 và báo cáo giá thị trường tự do tháng 01 năm 2017

Theo số liệu Cục Thống kê Đắk Lắk:

Chỉ số giá tiêu dùng toàn tỉnh tháng 12/2016 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 5,54% so với tháng 12 năm trước và tăng 5,54% so với cùng kỳ năm trước. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,44% (Lương thực giảm 0,86%, thực phẩm tăng 0,56%, ăn uống ngoài gia đình ổn định). Ngoài ra, các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác như may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,26%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,15%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,25%; giáo dục tăng 0,06%; giao thông giảm 0,76%; bưu chính viễn thông ổn định; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,04; đồ uống và thuốc lá tăng 0,21%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,11%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,3%.

I. Công tác phục vụ Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017:

Thực hiện Chỉ thị số 06/CT-BTC ngày 19/12/2016 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017; Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh trong dịp cuối năm 2016 và Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017; Công văn số 565-CV/TU ngày 13/01/2017 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về việc báo cáo tình hình trước, trong và sau Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017.

1. Các mặt hàng thực hiện bình ổn giá.

Ngoài các hàng hóa dịch vụ thực hiện bình ổn giá trên phạm vi cả nước được quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, Sở Tài chính xác định các nhóm, mặt hàng cần bình ổn thị trường trên địa bàn tỉnh trong thời gian Tết Nguyên đán Bính Thân năm 2016 như sau:

- Hàng hóa có nhu cầu sử dụng lớn và có tính thiết yếu đối với đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân;

- Hàng hoá nhạy cảm về cung cầu, giá cả.

Cụ thể như: Gạo tẻ; thịt heo, thịt gà; trứng gia cầm; thực phẩm chế biến; thủy hải sản; dầu ăn; đường; rau củ; sữa dinh dưỡng trẻ em; nước mắm; muối iốt.

2. Tổ chức thực hiện bình ổn giá.

- Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 về việc phê duyệt kế hoạch bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh trong dịp cuối năm 2016 và Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017, tuy nhiên không có tổ chức nào đăng lý tham gia chương trình bình ổn giá.

- Các doanh nghiệp lớn trên địa bàn đã chủ động có kế hoạch dự trữ hàng hóa dựa trên nhu cầu tiêu dùng của người dân và khả năng đáp ứng vốn của doanh nghiệp: Công ty TNHH Sài Gòn Buôn Ma Thuật (Co.op mart): 61 tỷ đồng; Trung tâm Thương mại Ea Kar: 12 tỷ đồng, Mega Market (Metro cũ): 35 tỷ đồng; Công ty Cà phê 721: 5 tỷ; Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên: 82 tỷ đồng; Vinmart (Vincem): 20 tỷ đồng, tổng cộng 215 tỷ đồng...đáp ứng được khoảng 20% lượng hàng hóa phục vụ nhu cầu thiết yếu cho 1 tháng tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

II. Tình hình diễn biến giá cả thị trường tự do tháng 01/2017 như sau:

Nhìn chung hầu hết các mặt hàng thực phẩm tăng nhưng không đáng kể so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017, cụ thể như sau:

1. Nhóm hàng lương thực:

Giá bình quân thóc tẻ và gạo các loại tăng nhẹ so với tháng 12/2016. Giá bán lẻ bình quân thóc tẻ: 6.800 - 7.000 đ/kg; Giá gạo tẻ các loại trong tháng 01/2017 với mức giá: Gạo tẻ ngon loại 1: từ 17.000 - 18.500 đ/kg, gạo tẻ loại thường: 12.000 - 13.500 đ/kg.

2. Nhóm hàng thực phẩm:

- Giá heo hơi giảm mạnh nhưng giá thịt heo các loại vẫn không giảm so với tháng trước: Thịt heo mỡ sấn: 85.000 - 92.000 đ/kg, thịt heo thăn: 90.000 - 97.000 đ/kg; Giá heo hơi từ 31.000 - 33.000 đ/kg, giảm từ 5.000 - 7.500 đ/kg so với giá bình quân tháng trước; Giá bình quân thịt bò phi lê loại 1: 260.000 - 270.000 đ/kg; Thịt gà các loại: thịt gà công nghiệp nguyên con làm sẵn 50.000 - 60.000 đ/kg; Gà ta còn sống 115.000 - 130.000 đ/kg.

- Giá cá bình quân các loại tăng so với tháng trước, với mức giá cụ thể như sau: Cá thu nguyên con 200.000 - 220.000 đ/kg; Giá cá lóc từ 70.000 - 75.000 đ/kg; Cá chép 80.000 - 85.000 đ/kg; Cá biển loại 4 giá bình quân từ 50.000 - 55.000 đ/kg.

- Giá bình quân các loại rau xanh giảm so với tháng 12/2016, với mức giá cụ thể như sau: Rau bắp cải 14.000 - 15.000 đ/kg; bí xanh 14.000 - 15.000 đ/kg, cà chua 15.000 - 16.000 đ/kg.

- Giá thực phẩm công nghệ ổn định so với tháng trước: giá dầu ăn thực vật Simple: 43.000 - 44.000 đ/lít; muối hạt: 4.000 đ/kg; đường RE: 18.000 - 19.000 đ/kg.

3. Nhóm hàng nông sản:

Nhìn chung giá cả các mặt hàng ở nhóm hàng này diễn biến tăng, giảm so với tháng trước, cụ thể như sau:

- Giá bình quân các loại đậu ổn định so với tháng 12/2016: đậu tương: 19.000 - 20.000 đ/kg; Lạc nhân loại 1: 45.000 - 50.000 đ/kg.

- Giá bình quân cà phê nhân xô tăng 2.330 đ/kg so với giá bình quân tháng 12/2016, giá bình quân tháng 01/2017 là 45.590 đ/kg.

- Giá bình quân hạt tiêu đen loại 1 trong tháng 01/2017: 134.430 đ/kg, giảm so với giá bình quân tháng trước 7.020 đ/kg.

4. Giá vật tư và vật liệu xây dựng:

a/ Giá các loại vật tư:

Giá gas thể giới tăng nên các doanh nghiệp kinh doanh LPG tại Đắk Lắk đã điều chỉnh tăng giá bán LPG kể từ ngày 01/01/2017. Cụ thể giá bán lẻ bình quân đến người tiêu dùng tháng 01/2017: 294.000 đồng/bình 12kg, tăng 21.000 đồng/bình so với giá gas tháng 12/2016.

Giá các loại xăng, dầu trên thị trường Đắk Lắk hầu hết ở các công ty và đại lý kinh doanh xăng dầu thực hiện mức giá điều chỉnh của các doanh nghiệp. Trong tháng 01/2017 giá xăng dầu điều chỉnh tăng cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/01 đến ngày 04/01:

+ Xăng A92 không chì: 17.940 đ/lít.

+ Dầu hỏa: 12.170 đ/lít.

+ Dầu Diezen 0,05%S: 13.690 đ/lít.

- Từ 16h00 ngày 04/01 đến ngày 25/01 điều chỉnh tăng giá dầu Diezen:

+ Xăng A92 không chì: 17.940 đ/lít.

+ Dầu hỏa: 12.170 đ/lít.

+ Dầu Diezen 0,05%S: 14.020 đ/lít.

b/ Giá vật liệu xây dựng:

- Trong tháng 01/2017 giá vật liệu xây dựng ổn định so với tháng trước, với mức giá cụ thể: Thép tròn trơn Φ 6-8mm với mức giá bình quân 15.750 đ/kg; Xi măng PCB 40 Hoàng Thạch 2.050 đ/kg.

5. Giá cước vận chuyển:

Tháng 01/2017 giá vé vận chuyển hành khách tuyến Buôn Ma Thuật - thành phố Hồ Chí Minh ổn định so với tháng trước, với mức giá: 165.000 - 175.000 đ/người/lượt.

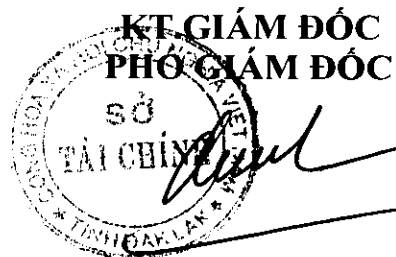
6. Giá vàng và Đôla Mỹ:

Giá vàng bình quân trong tháng 01/2017 tăng so với giá vàng bình quân tháng 01/2017 từ 10.000 - 16.000 đ/chỉ, với mức giá bình quân tháng 01/2017 là 3.384.000 đ/chỉ. Tỷ giá bình quân đô la Mỹ và đồng Euro được niêm yết tại Ngân hàng Thương mại vào tháng 01/2017 cụ thể như sau: Tỷ giá đô la Mỹ là 22.662 đ/USD, giảm 76 đ/USD; Tỷ giá đồng Euro là 24.035,37 đ/Euro, giảm 88 đ/Euro so với tháng 12/2016.

Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Cục Quản lý giá Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- BGĐ Sở TC;
- Phòng TCKH các huyện, thị xã, thành phố.
- Lưu: VT, CSVG (Th-23b).



Đinh Xuân Diệu

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 01 NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 236 /BC-STC, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Sở Tài chính Đắk Lắk)

STT	Mặt hàng	Đơn vị tính	12/2016	01/2017	Tăng giảm		Ghi chú
					Mức (6=5-4)	% (7=6/5)	
-1	-2	-3	-4	-5			
1	Giá bán lẻ						
1.001	Thóc tẻ thường	đ/kg	6.900	6.976	76	1.09	
1.002	Gạo tẻ thường	đ/kg	13.000	13.381	381	2.85	
1.003	Gạo thơm Đài Loan	đ/kg	17.800	17.881	81	0.45	
1.004	Thịt lợn thân	đ/kg	95.000	96.524	1.524	1.58	
1.005	Thịt lợn mỡ sấn	đ/kg	90.000	91.667	1.667	1.82	
1.006	Thịt bò phi lê	đ/kg	260.000	260.000	0	0.00	
1.007	Gà công nghiệp (làm sạch)	đ/kg	55.000	58.810	3.810	6.48	
1.008	Gà ta còn sống	đ/kg	110.000	117.619	7.619	6.48	
1.009	Cá lóc (cá quả)	đ/kg	72.500	75.000	2.500	3.33	
1.010	Cá chép/trắm	đ/kg	79.700	84.286	4.586	5.44	
1.011	Cá biển loại 4	đ/kg	51.250	55.000	3.750	6.82	
1.012	Cá thu nguyên con	đ/kg	198.500	215.238	16.738	7.78	
1.013	Giò lụa	đ/kg	110.000	120.952	10.952	9.06	
1.014	Rau bắp cải	đ/kg	14.300	14.000	-300	-2.14	
1.015	Bí xanh	đ/kg	16.200	17.857	1.657	9.28	
1.016	Cà chua	đ/kg	24.700	18.143	-6.557	-36.14	
1.017	Dầu ăn thực vật Simple	đ/lít	44.000	44.000	0	0.00	
1.018	Muối hạt	đ/kg	4.000	4.000	0	0.00	
1.019	Đường RE	đ/kg	18.500	18.595	95	0.51	
1.020	Sữa Ông Thọ	đ/hộp	19.000	19.000	0	0.00	
1.021	Bia chai Sài Gòn	đ/két	130.000	130.000	0	0.00	
1.022	Bia hộp Sài Gòn	đ/thùng	216.000	216.000	0	0.00	
1.023	Cocacola	đ/thùng	188.000	188.000	0	0.00	
1.024	7 up lon	đ/thùng	170.000	173.810	3.810	2.19	
1.025	Rượu vang nội chai 750ml	đ/chai	80.000	82.857	2.857	3.45	
1.026	Thuốc Vitamin C nội 500mg	đ/vĩ	8.000	8.000	0	0.00	
1.027	Thuốc Ampicillin nội 250mg	đ/vĩ	11.000	11.000	0	0.00	
1.029	Thuốc bảo vệ thực vật	đ/chai	91.350	91.350	0	0.00	
1.030	Thức ăn chăn nuôi sản xuất CN	đ/kg	14.700	14.700	0	0.00	
1.031	Lốp xe máy nội loại 1	đ/chiếc	150.000	150.000	0	0.00	
1.032	Tivi 21" LG	đ/chiếc	2.100.000	2.100.000	0	0.00	
1.033	Tủ lạnh 150ml 2 cửa sanyo	đ/chiếc	4.000.000	4.000.000	0	0.00	
1.035	Phân Urê Phú Mỹ	đ/kg	7.295	7.400	105	1.42	
1.036	Phân SA Nhật	đ/kg	4.385	4.400	15	0.34	
1.037	Xi măng PCB 40 Hoàng Thạch	đ/kg	2.050	2.050	0	0.00	
1.038	Thép XD Φ 6-8 LD	đ/kg	16.050	16.050	0	0.00	
1.039	Ống nhựa Bình Minh Φ90x2,9mm	đ/mét	54.000	54.000	0	0.00	
1.040	Ống nhựa Bình Minh Φ21x1,6mm	đ/mét	7.000	7.000	0	0.00	
1.041	Xăng A92	đ/lít	17.095	17.940	845	4.71	